

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HS-ST
Ngày: 30-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Nguyễn Hồng Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 571/2024/QĐXXST-HS ngày 16/10/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Hữu Đ, sinh năm 1994 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn N và bà Đỗ Thị C; Chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/12/2022 bị Công an xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép với số tiền 1.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 08/12/2022); Tạm giữ: Ngày 05/02/2024; Tạm giam: Ngày 06/02/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thúy L, sinh năm 1968 – Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1966; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số F, đường N, Khóm B, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Hồng T1 – Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; (Có mặt)

Địa chỉ: Số C, Tổ C, Khóm D, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Võ Trần Việt T2, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số C, đường N, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bùi Quốc Đ1, sinh năm 1997; (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Võ Thị K, sinh năm 1992; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (sau đây gọi tắt là Công ty V) do bà Dương Thúy L làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Bà L giao cho chồng là ông Trần Hữu T toàn quyền quản lý tất cả hoạt động của Công ty V. Khoảng đầu năm 2022, bị cáo Võ Hữu Đ được ông T, bà L đại diện cho Công ty V nhận vào làm nhân viên của Công ty V nhưng không ký hợp đồng lao động. Được giao nhiệm vụ mua bán vàng nữ trang, cầm đồ tại quầy 1, quản lý chìa khóa tủ sắt, cuối ngày cất vàng, tiền vào tủ sắt, giao chìa khóa lại cho ông T hoặc bà L, báo cáo (kết sổ cuối ngày) cho ông T về kết quả giao dịch, mua bán trong ngày gồm tiền mặt thu chi, số lượng vàng đã bán, số hóa đơn cầm đồ phát sinh trong ngày và để vàng, tiền còn lại vào tủ sắt, giao lại chìa khóa cho ông T hoặc bà L.

Trong quá trình làm việc, lợi dụng việc thiếu kiểm tra, quản lý của Công ty V nên trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10/2023 đến ngày 14/01/2024, Đ đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của công ty bằng cách thức lấy một phần tiền mà không nộp hết số tiền khách trả khi mua bán vàng (mỗi lần khoảng vài chục triệu đồng), nhưng vẫn báo cáo số liệu thu chi đầy đủ. Để không bị phát hiện, Đ đã lập không 03 hợp đồng cầm đồ, gồm: Hợp đồng số 1242, ngày 07/10/2023 ghi tên P, địa chỉ: Phường F, số điện thoại 0586158670, số tiền cầm vàng là 150.000.000 đồng. Hợp đồng số 1251, ngày 11/10/2023 ghi tên O, địa chỉ: Phường D, số điện thoại 0369160 311, số tiền cầm vàng là 100.000.000 đồng. Hợp đồng số 1254, ngày 13/10/2023, ghi tên D, địa chỉ: Mỹ T, số điện thoại 0962203328, số tiền cầm vàng là 70.000.000 đồng để khớp với số tiền đã chiếm đoạt nhiều lần trước đó là 320.000.000 đồng. Sau những lần chiếm đoạt tiền của Công ty V, do không có thời gian đi nộp tiền vào tài khoản, nên Đ đưa tiền mặt nhờ Võ Trần Việt T2 là người làm cùng Công ty, và Võ Thị K là chị ruột của Đ chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T2 và K, sau đó chuyển khoản qua tài khoản của Đ. Khi nhờ nộp và chuyển tiền, Đ không nói cho hai người này biết là tiền mình lấy của Công ty V.

Tiếp tục vào ngày 08/01/2024 và ngày 11/01/2024, Đ đã lấy số tiền mặt trong tủ sắt là 101.500.000 đồng nhưng đến cuối ngày 14/01/2024, Đ vẫn báo

cáo cho Công ty V số tiền mặt trong tủ sắt là 2.249.509.000 đồng. Cùng ngày, Đ tự ý nghỉ việc mà không thông báo cho Công ty biết. Sáng ngày 15/01/2024, Đ không đến làm việc, Công ty không liên lạc được, ông T cùng Võ Trần Việt T2 và Bùi Quốc Đ1 là nhân viên của Công ty V, tiến hành kiểm tra tủ sắt do Điền quản lý thì phát hiện số tiền mặt trong tủ sắt còn 2.148.009.000 đồng, thiếu 101.500.000 đồng so với báo cáo của Đ đã báo ngày 14/01/2024. Trong tủ sắt do Đ quản lý chỉ còn lại 03 Hộp đồng cầm đồ, trị giá 320.000.000 đồng và túi dùng để đựng vàng.

Điền khi thì khai nhận đã nhiều lần chiếm đoạt tiền mặt của Công ty V số tiền khoảng 2.500.000.000 đồng, khi thì xác định đã chiếm đoạt số tiền 421.500.000 đồng và thống nhất trả lại số tiền 421.500.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được, Đ sử dụng để tiêu xài cá nhân và đánh bạc (trực tiếp và trực tuyến trên mạng), mỗi lần đánh bạc dưới 5.000.000 đồng.

Ngày 27/01/2024, ông Trần Hữu T đại diện cho Công ty V đã làm đơn tố giác Võ Hữu Đ đến Công an P1, thành phố C. Ngày 05/02/2024, bị cáo Võ Hữu Đ đến Công an thành phố C đầu thú, khai báo hành vi phạm tội của mình.

Kết quả xác minh theo tên, địa chỉ và số điện thoại trên các hợp đồng cầm đồ thể hiện: Người tên P, trong hợp đồng cầm đồ số 1242 ngày 07/10/2023 là chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày: 05/11/2002, cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nhưng chị P không có cầm vàng nữ trang với số tiền nêu trên; Người tên O trong hợp đồng cầm đồ số 1251 ngày 11/10/2023 là chị Võ Thị Thúy O, sinh ngày: 06/11/1990, cư trú: Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xác nhận nội dung ghi thông tin, số điện thoại trên hợp đồng cầm đồ là của chị O nhưng chị O không có cầm vàng nữ trang với số tiền nêu trên. Người tên D, trong hợp đồng số 1254 theo Công an xã M xác nhận địa phương không có người này.

Tại bản Kết luận giám định số: 232/KL-KTHS ngày 29/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu giám định là 03 hợp đồng cầm đồ 1242, 1254 và 1251 so với chữ viết, chữ ký của Võ Hữu Đ ghi lại nội dung 03 hợp đồng cầm đồ là do cùng một người viết ra.

Trong quá trình điều tra bị cáo Đ đã khai nhận hành vi của mình như nội dung nêu trên, thống nhất kết luận giám định, thừa nhận bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và không thừa nhận phạm tội “Tham ô tài sản”.

Với những tình tiết như trên, Cáo trạng số: 81/CT-VKS-TPCL ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Võ Hữu Điền về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền do bị cáo được giao quản lý là 421.500.000 đồng và khẳng định lời trình bày này là đúng sự thật, trong quá trình điều tra, do bị cáo nhớ chưa chính xác nên có lúc đã khai bị cáo chiếm đoạt khoảng 2.500.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Hữu T trình bày Công ty V bị Đ chiếm đoạt số tiền 421.500.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền này cho Công ty V, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận:

Xét hành vi của bị cáo Võ Hữu Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*”.

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Hữu Đ phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Hữu Đ mức án tù 11 năm đến 12 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn và không có tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Võ Hữu Đ bồi trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V số tiền 421.500.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày ý kiến tranh luận, đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo đối với bị cáo, xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc, áp dụng mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù vì lời khai của bị cáo trước sau không thống nhất, hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của bị hại.

Người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và không tham gia tranh luận.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện Kiểm sát tranh luận không đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, rõ ràng hành vi phạm tội của bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, về phần hình phạt đề nghị xử phạt từ 11 năm đến 12 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với lời luận tội, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, không tham gia tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo là xin lỗi bị hại, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về gia đình, tái hòa nhập cộng đồng, tham gia lao động tạo thu nhập khắc phục thiệt hại cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội và điều luật áp dụng để định tội. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Hữu Đ thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Từ đầu tháng 10/2023 đến ngày 14/01/2024, bị cáo Đ là nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao là quản lý mua bán vàng nữ trang, cầm đồ tại quầy số 1 và quản lý tiền trong tủ sắt nhưng Đ đã nhiều lần chiếm đoạt số tiền của Công ty V mà mình được giao quản lý tổng cộng là 421.500.000 đồng (mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng) để chi xài cá nhân.

Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V do bị cáo được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý. Theo quy định tại Điều 1, khoản 10 Điều 4, Điều 37 và Điều 74 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V là một loại hình doanh nghiệp nên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V là doanh nghiệp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vừa xâm phạm đến uy tín, tính đúng đắn, liêm chính trong công tác, nhiệm vụ quản lý tài sản vừa xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện là lỗi cố ý. Do vậy, với số lần thực hiện hành vi phạm tội và số tiền chiếm đoạt như trên thì bị cáo Võ Hữu Đ đã phạm tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Điều 353. Tội tham ô tài sản

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; ...

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.

Việc truy tố, xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo thực hiện; nhưng bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao mà thực hiện hành vi phạm tội để phục vụ cho ý muốn của bản thân, hành vi của bị cáo không chỉ nguy hiểm rất lớn cho xã hội mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây tác hại về nhiều mặt đến xã hội, ảnh hưởng đến tính liêm chính, vô tư và công minh trong hoạt động thực thi nhiệm vụ. Do đó, cần phải trừng trị bị cáo thật nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, tạo niềm tin cho Nhân dân.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Do đó, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn cân nhắc đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã khai nhận đầy đủ và đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và bị cáo đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự là bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân, phấn đấu trở thành người công dân tốt cho xã hội mà vẫn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật với mức độ nặng hơn vi phạm trước đó nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có thu nhập không ổn định và không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 421.500.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ 03 hợp đồng cầm đồ số 1242, 1254 và 1251.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với Võ Trần Việt T2 và Võ Thị K đã nhiều lần nhận tiền mặt từ Võ Hữu Đ sau đó nạp tiền vào tài khoản cá nhân để chuyển

khoản cho Đ, nhưng T2 và K không biết nguồn gốc tiền từ đâu Đ có, cũng không hưởng lợi gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với hành vi đánh bạc trái phép của Võ Hữu Đ, tài khoản đánh bạc trực tuyến do Đ cung cấp do thời gian đã lâu không sử dụng nên hiện tại tài khoản và tên miền đăng nhập trang web không còn truy cập được. Mặt khác cũng chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo, không còn tài liệu, chứng cứ hay người nào biết việc đánh bạc trái phép của Đ nên không đủ căn cứ xử lý Đ về tội “Đánh bạc”.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Hữu Đ phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Võ Hữu Đ 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Võ Hữu Đ có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V số tiền 421.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 03 hộp đồng cầm đồ số 1242, 1254 và 1251 (đã lưu vào hồ sơ vụ án).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.860.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- CQ CSĐT CA TP. Cao Lãnh;
- CQ THAHS CA TP. Cao Lãnh;
- Bộ phận HSNV CA TP. Cao Lãnh
(khi án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân